TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Tấn Hải;
2. Bà Ngô Hồng Điệp;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 598/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thị Na Hoa N, sinh năm 1982; HKTT: ấp Cái Đuốc Lớn, xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, tạm trú: Số 235, ấp L1, xã L2, huyện C, tinh L, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Đình P, sinh năm: 1980; HKTT: thôn P1, xã H, huyện Đ, tỉnh P.Y, tạm trú: Số 235, ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Thị Na Hoa N cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà N và ông P bắt đầu chung sống năm 2007. Hôn nhân của vợ chồng bà là tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn khoảng 04-05 tháng. Vợ chồng bà có tiến hành đăng ký kết hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh P.Y và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 18/02/2016. Theo bà N thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông P thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ. Ông P còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà N biết được là do thấy tin nhắn tình cảm của ông P gửi và nội dung thông tin chuyển khoản tiền cho người này. Trong khi đó, từ đầu năm 2022 cho đến nay, ông P không phụ bà N chi phí sinh hoạt gia đình. Mặc dù bà N có nói chuyện với ông P nhiều lần nhưng ông P vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 04/2022 cho đến nay. Hiện tại, bà N nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông P nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Đình Q, sinh ngày 23/10/2012 và

Phan Ngọc Ánh Q1, sinh ngày 05/10/2017. Hiện nay, hai con chung đang sống với ông P. Khi ly hôn, bà N đồng ý giao hai con chung cho ông P nuôi dưỡng, bà N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phan Đình P. Ông P không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà N và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Thị Na Hoa N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Đình P có nơi cư trú tại ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Phan Đình P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Phan Đình P.

[2] Về hôn nhân: Bà Thị Na Hoa N và ông Phan Đình P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh P.Y và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 18/02/2016 nên xác định hôn nhân của vợ chồng ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà N thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông P thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ. Ông P còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà N biết được là do thấy tin nhắn tình cảm của ông P gửi và nội dung thông tin chuyển khoản tiền cho người này. Trong khi đó, từ đầu năm 2022 cho đến nay, ông P không phụ bà N chi phí sinh hoạt gia đình. Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Còn về phía ông P, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho ông P, nhưng ông P không đến Tòa án tham gia hòa giải, không trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, không đưa ra phương án đoàn tụ. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông P không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông P.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Đình Q, sinh ngày 23/10/2012 và Phan Ngọc Ánh Q1, sinh ngày 05/10/2017. Khi ly hôn, bà N đồng ý giao hai con chung cho ông P nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Q có nguyện vọng muốn được sống với cha, còn cháu Q1 hiện nay đang sống với ông P nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cho ông P nuôi dưỡng cháu Q và cháu Q1 là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, bà N không yêu cầu, ông P không có ý kiến gì về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N trình bày không có, ông P không có ý kiến về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị Na Hoa N về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Phan Đình P.

Về hôn nhân: Bà Thị Na Hoa N được ly hôn với ông Phan Đình P.

Về nuôi con chung: Giao cho ông Phan Đình P nuôi dưỡng con chung tên Phan Đình Quý, sinh ngày 23/10/2012 và Phan Ngọc Ánh Quyên, sinh ngày 05/10/2017. Bà Thị Na Hoa N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành Nên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Thị Na Hoa N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0004664 ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Nêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã H,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

huyện Đ, tỉnh P.Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

Nguyễn Võ Thu Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Thu Xuân